

UBND HUYỆN THANH HÀ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TT THANH HÀ
----- 03  80 -----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GD&ĐT, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Năm học: 2024- 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Thị trấn Thanh Hà

2. Địa chỉ

Khu 4 TT Thanh Hà - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0985744609

Website: <http://th-thttthanhha.haiduong.edu.vn/>

3. Loại hình

Trường TH công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu

Sứ mệnh:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, tích cực, có kỷ luật, có chất lượng giáo dục toàn diện và chuyên sâu; học sinh yêu thích học tập, có ý thức học tập suốt đời và có cơ hội phát triển tài năng, biết tư duy sáng tạo; có đạo đức, có tri thức, biết tư duy độc lập, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp.

Tầm nhìn:

Trở thành một trong những trường có bề dày về truyền thống về giáo dục toàn diện và có chất lượng, nơi mà cha mẹ học sinh sẽ lựa chọn để con em mình được học tập và rèn luyện. Đây cũng là nơi giáo viên luôn có khát vọng được cống hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, phát huy truyền thống hiếu học. Đến năm 2028 xây dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm của địa phương, giữ vững các tiêu chí, chỉ báo của trường chuẩn QG mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Hệ thống giá trị cơ bản:

Đoàn kết; Hợp tác; Trách nhiệm; Bao dung; Trung thực; Sáng tạo; Khát vọng vươn lên và Phát triển - Đổi mới và hội nhập.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Thị trấn Thanh Hà được thành lập từ tháng 9 năm 1956 với tên gọi Trường cấp I Thanh Bình. Năm 1977, trường Cấp I và Cấp II sáp nhập thành trường Phổ thông cơ sở Thanh Bình. Đến năm 1990, trường tách ra khỏi Phổ thông cơ sở Thanh Bình với tên gọi Trường cấp I Thanh Bình. Từ tháng 4 năm 1997- huyện Thanh Hà được tái lập, trường đổi tên là Trường Tiểu học Thị trấn Thanh Hà đóng trên địa bàn khu 4 – thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Ngày đầu thành lập, trường chỉ có 6 lớp với 40 học sinh và 6 thầy cô giáo. Hiệu trưởng đầu tiên là thầy Vũ Lư (năm học 1956- 1957), tiếp theo là các thầy cô Hiệu trưởng: thầy Phạm Văn Đăng (năm học 1957- 1958), Cô Tôn Thái Mai Linh (từ năm 1958 đến 1960), thầy Nguyễn Ngọc Chi (từ năm 1960 đến 1963), thầy Đỗ Xuân Bạt (từ năm 1963 đến 1966), cô Nguyễn Thị Thảo (năm học 1966- 1967), thầy Nguyễn Xuân Diệt (năm học 1967- 1968), thầy Cao Xuân Rong (từ năm 1968 đến 1977), thầy Nguyễn Xuân Khuông (từ năm 1977 đến 1988), thầy Hoàng Đình Khiển (từ năm 1988 đến 1991), cô Phạm Thị Khiếu (từ năm 1991 đến 1994), thầy Phạm Xuân Luận (từ năm 1994 đến 2000), cô Bùi Thị Ngân (từ năm 2000 đến 2012), cô Nguyễn Thị Nga (từ năm 2012 đến 2018). Từ tháng 8 năm 2018 đến nay, cô Lê Thị Chính làm Hiệu trưởng nhà trường.

Các thầy cô nguyên là Phó Hiệu trưởng nhà trường là: cô Lê Thị Chuyên, cô Cao Thị Huân, cô Đinh Thị Thu Hà, cô Lê Thị Lý, cô Trần Thị Thúy Hằng. Từ năm 2021, thầy Lê Văn Nguyên và cô Lê Thị Dịu là PHT nhà trường.

Trong các thời kỳ, lãnh đạo nhà trường luôn tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng, mở rộng khuôn viên trường. Đến nay, CSVC nhà trường ngày một khang trang với tổng diện tích 9500m², 42 phòng học và các phòng chức năng. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường là 43 đồng chí và số học sinh hiện tại trên 900 em. Chất lượng dạy và học của nhà trường luôn được duy trì tốt. Hàng năm, nhà trường đều đạt danh hiệu tập thể Lao động Tiên tiến, Tiên tiến xuất sắc; các đoàn thể nhà trường luôn đạt vững mạnh và vững mạnh xuất sắc; đồng đội GVG, HSG của trường luôn ở tốp đầu trong huyện. Tỷ lệ HS lên lớp, HS hoàn thành CHTH hàng năm đạt từ 99% trở lên. Chất lượng đại trà, chất lượng học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ trên Internet ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi ra lớp hàng năm đều đạt 100%. Từ 2008, trường đã được UBND tỉnh công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia và duy trì danh hiệu cho đến nay.

Với bề dày truyền thống 69 năm xây dựng và trường thành, trường Tiểu học Thị trấn Thanh Hà đã xứng đáng với niềm tin, lòng mong đợi của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, xứng đáng với danh hiệu trường Chuẩn Quốc gia. Những thành quả mà nhà trường có được hôm nay sẽ là niềm vinh dự, là động lực để các thế hệ thầy cô giáo và các em học sinh sau này tiếp tục phấn đấu, phát huy và xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Lê Thị Chính. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu 4 TT Thanh Hà - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương
 Số điện thoại: 0985 744 609
 Email: lethichinh.70@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- a. Quyết định thành lập: (Đang cập nhật)
- b. Quyết định công nhận hội đồng trường: Theo QĐ số: 174/QĐ- PGD&ĐT ngày 30/12/2024(Có quyết định kèm theo)
- c. Quyết định điều động, bổ nhiệm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
 - Quyết định điều động của hiệu trưởng theo QĐ số: 2519/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Thanh Hà. (Có quyết định kèm theo)
 - Quyết định bổ nhiệm của phó hiệu trưởng theo QĐ số: 894/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Thanh Hà. (Có quyết định kèm theo)
 - Quyết định bổ nhiệm của phó hiệu trưởng theo QĐ số: 469/QĐ-UBND ngày 11 tháng 2 năm 2022 của UBND huyện Thanh Hà. (Có quyết định kèm theo)
- d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục (Có quy chế kèm theo)

Sơ đồ tổ chức bộ máy: BGH - GV- NV

đ, Quyết định thành lập trường: (Đang cập nhật)

e, Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Họ và tên: Lê Thị Chính

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học TT Thanh Hà - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 0985744609

Địa chỉ thư điện tử: lethichinh.70@gmail.com

Họ và tên: Lê Văn Nguyên

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc Trường Tiểu học TT Thanh Hà - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 0973543389

Địa chỉ thư điện tử:levannguyen68@yahoo.com

Họ và tên: Lê Thị Dịu

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc Trường Tiểu học TT Thanh Hà - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 0964 163 000.

Địa chỉ thư điện tử:lediu.th@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục (Có chiến lược phát triển kèm theo)

Quy chế dân chủ (Có quy chế kèm theo)

Các nghị quyết của của hội đồng trường (Có nghị quyết kèm theo)

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính *Có văn bản kèm theo*

Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục *(Có văn bản kèm theo)*

Kế hoạch và thông báo tuyển sinh *(Có kế hoạch và thông báo tuyển sinh kèm theo)*

Quy chế chi tiêu nội bộ *(Có quy chế kèm theo)*.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GD

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a, Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Vị trí chức danh nghề nghiệp			Chuẩn NN		
			ThS	ĐH	CĐ	I	II	III	T	K	TB
	Tổng số GV, CBQL và NV	45	1	44	1	4	23	18	32	10	
I	Giáo viên										
	Văn hóa	30		30		2	17	11	20	10	
	Âm nhạc	2		2			2		2		
	Mỹ thuật	1		1				1	1		
	Tiếng Anh	3		3		1	1	1	3		
	Tin học	1		1				1	1		
	GDTC	2		2			1	1	2		
II	CBQL										
	Hiệu trưởng	1		1			1		1		
	P. hiệu trưởng	2	1	1		1	1		2		
III	Nhân viên										
	Văn thư	1		1							
	Thư viện, CNTT	1			1						
	KT	1		1							

- Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hàng năm theo quy định

- Kết quả đánh giá chuẩn phó hiệu trưởng: Tốt

- Kết quả đánh giá chuẩn giáo viên: Tốt: 29 đạt 74 % ; Khá: 10 đạt 26%

- Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm: 45/45

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Diện tích đất	Số lượng (m2)							
Tổng diện tích khuôn viên đất	9500							
Trong đó: Diện tích đất được cấp								
Diện tích đất đi thuê (mượn)								
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	1032							
Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá	28	1838						
Trong đó:								
+ Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm	28	1838						
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập								
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm								
- Phòng học tin học	1	68						
- Phòng học ngoại ngữ	1	68						
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)								
- Hội trường								
- Phòng giáo dục nghệ thuật								
- Phòng giáo dục mỹ thuật	1	62						
- Phòng giáo dục âm nhạc	1	62						
- Phòng Thư viện	1	54						
- Phòng thiết bị giáo dục	1	54						
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội	1	36						
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật	0	0						
- Phòng y tế học đường	1	24						
- Phòng hiệu trưởng	1	24						
- Phòng phó hiệu trưởng								
- Phòng nghỉ giáo viên								
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)	1	72						
- Văn phòng								
- Phòng thường trực - Bảo vệ	1	20						
- Nhà công vụ giáo viên								
- Phòng kho lưu trữ	1	36						

- Phòng khác								
- Nhà bếp	1	20						
- Phòng ăn (HS)	1	90						
- Phòng nghỉ (HS)	1	90						
Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	1	12	1	24	1	88	8	88
Chưa đạt chuẩn vệ sinh								
Không có								

a. Diện tích khu đất xây dựng trường 2794 m²: diện tích bình quân tối thiểu cho 01 học sinh 11,03m²

b. Số lượng hạng mục khối phòng hành chính, khối phòng học tập, phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật.

2.1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng:

- Phòng Hiệu trưởng: 01, phó Hiệu trưởng: 01 có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

c) Văn phòng: 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

d) Phòng bảo vệ: 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

đ) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.

e) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường với diện tích 90m².

2.2. Khối phòng học tập

a) Nhà trường có 28 phòng lớp học đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (06 phòng); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học tại lớp.

b) Phòng học bộ môn Âm nhạc: 01 phòng với đầy đủ bàn ghế, dụng cụ phục vụ dạy học như đàn Ooc-gan, giá vẽ, loa máy...

c) Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ: 01 phòng với đầy đủ dụng cụ, thiết bị, sản phẩm KH-CN của học sinh trưng bày.

d) Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng với 20 máy tính cho giáo viên và học

sinh được kết nối mạng internet.

đ) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 01 phòng với đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn, được kết nối mạng internet, loa máy, bảng tương tác...

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

a) Thư viện: Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện chuẩn: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 35 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 35 chỗ.

- Thư viện có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh:

b) Phòng thiết bị giáo dục: có 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

c) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: có 01 phòng, bố trí ở tầng 1 để thuận tiện cho học sinh.

d) Phòng truyền thống- đoàn đội: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị, ảnh, biểu bảng ghi danh, truyền thống để phục vụ các hoạt động Đội - Sao nhi đồng.

2.4. Khối phụ trợ

- Trường có đủ phòng phụ trợ phục vụ cho công tác dạy và học.

- Có phòng y tế được bố trí ở vị trí thuận lợi cho việc sơ cứu học sinh. Trong phòng được trang bị giường bệnh, tủ thuốc với đầy đủ các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu... do nhân viên y tế quản lý và BGH giám sát, kiểm tra.

- Trường có 02 khu vệ sinh cho học sinh được bố trí nam nữ riêng biệt ở vị trí thuận tiện được lắp đặt các thiết bị vệ sinh đảm bảo nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn và trang trí đẹp.

- Khuôn viên của trường có hệ thống tiêu thoát nước bằng cống hộp, có xây tường bao xung quanh, đảm bảo vững chắc, an toàn. Cổng trường được gắn biển tên trường và biển cổng trường an toàn.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Trường có sân chơi được lát gạch đỏ bằng phẳng, có nhiều cây bóng mát giúp học sinh vui chơi và tham gia các hoạt động tập thể, trò chơi dân gian.

2.6. Khối phục vụ sinh hoạt:

- Nhà trường có khu nhà bếp được đặt ở vị trí hợp lý tách riêng khu phòng học. Dây chuyền nấu ăn của nhà bếp đảm bảo hoạt động 1 chiều, hợp vệ sinh. Nhà bếp có bố trí kho bếp được sắp xếp gọn gàng, khoa học. Phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm, có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm (tủ lạnh, khay...), nhà ăn, phòng nghỉ trưa đảm bảo đầy đủ các phương tiện thiết bị vận hành.

2.7. Hạ tầng kỹ thuật

- Trường có hệ thống nước sạch đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành, có hệ thống thoát nước cống hộp tiêu thoát nước xung quanh trường đảm bảo nước thoát ra môi trường không bị ô nhiễm. Có hệ thống điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ các hoạt động của nhà trường. Trường có hệ thống phòng cháy, chữa cháy được trang bị với 20 bình chữa cháy, đặt

ở vị trí thuận tiện sử dụng. Có hệ thống thông tin liên lạc tốt; đã nối mạng Internet tới tất cả các phòng làm việc và tất cả các dãy phòng học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

c) Thiết bị dạy học

Trường có phòng thiết bị được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Bộ giáo dục.

- UBND Tỉnh phê duyệt theo QĐ số (có danh mục kèm theo).

1. Thông tin về kết quả đánh giá và KĐCLGD.

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: KĐCLGD mức 2, Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

- KĐCLGD mức 2, Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Theo QĐ số 1634/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương).

3. Thực hiện chương trình GD của nước ngoài: (Không)

III. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh, tổng số học sinh theo từng khối, học sinh học 2 buổi/ ngày, HS nam, nữ, khuyết tật, học sinh đi, đến (Có biên bản tuyển sinh kèm theo)

b) Kế hoạch GD của nhà trường (Có KHGD năm học 2024-2025 kèm theo)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để chăm sóc, GDHS (Có KH phối hợp kèm theo)
(Có biểu mẫu thống kê chất lượng kèm theo)

d) Các chương trình, HĐ hỗ trợ cho HS (theo VB quy định nhà nước)

đ) Thực đơn hàng ngày của HS (theo KH bán trú NH 2024-2025)

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh

a) Thống kê đánh giá HS theo quy định của BGD&ĐT (Có BCTKNH kèm theo)

b) Số lượng học sinh công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp giấy chứng nhận. (Có BCTKNH kèm theo)

3. Thực hiện CTGD nước ngoài hoặc CTGD tích hợp

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở trong năm tài chính và năm trước liền kề

a. Các khoản thu

DVT: đồng

A	NGUỒN THU	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
I	Thu từ nguồn ngân sách	8.984.987.162	9.948.891.000	
1	Nguồn thường xuyên	8.545.318.000	9.870.241.000	
2	Nguồn không thường xuyên	439.669.162	78.650.000	
II	Các khoản thu khác	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026 (dự kiến)	
1	Buổi 2/ngày	709.000đ/HS/năm		
2	Đầu vào bán trú	200.000đ/HS/ đầu vào	200.000đ/HS/ đầu vào	
3	Tiền ăn, phụ phí, phục vụ	21.000đ/ HS/Bữa ăn. Phụ phí: 40.000đ/HS/ T. Phục vụ: 130.000đ/HS/T.	21.000đ/ HS/Bữa ăn. Phụ phí: 40.000đ/HS/ T. Phục vụ: 130.000đ/HS/T.	
4	Nước uống	Kì I: 7.000đ/HS/tháng. Kì II: 9.000đ/HS/tháng.	9.000đ/HS/tháng.	
5	Xe đạp	10.000đ/HS/tháng.	10.000đ/HS/tháng.	
6	Bảo hiểm y tế	884.520đ/HS/năm	884.520đ/HS/năm	
7	Lao động vệ sinh	Kì I: 15.000đ/HS/tháng. Kì II: 20.000đ/HS/tháng.	20.000đ/HS/tháng.	
8	Liên lạc điện tử	90.000đ/HS/năm	90.000đ/HS/năm	

b. Các khoản chi

***Ngân sách**

		Năm 2024	Ước chi năm 2025	Ghi chú
I	Chi từ nguồn ngân sách	8.984.987.162	9.948.891.000	
1	Tiền lương, tiền công các khoản đóng góp	8.160.249.417	9.577.275.000	
2	Chi trả HS hộ nghèo, khuyết tật	6.150.000	2.250.000	
3	Chi trả phụ cấp GV dạy HS khuyết tật	90.976.162		
4	Chi hoạt động, sửa chữa TX	65.287.150	126.400.000	
5	Mua sắm tài sản phục vụ CM	12.000.000	28.000.000	
6	Chi chuyên môn	69.277.074	55.000.000	
7	Chi phí khác	520.167.359	159.966.000	
8	Chuyển nguồn	40.000.000		
9	Trả lại kinh phí cấp hỗ trợ GV có thu nhập thấp	16.800.000		
10	% nhà nước giữ lại	4.080.000		

***Các khoản chi khác năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng thu	Tổng chi	Ghi chú
1	Tiền 2 buổi/ ngày (709.000đ/ HS)	602.650.000	572.546.300	Còn: 30.103.700
	Chi trả giáo viên, quản lý		572.546.300	

	Chi sửa chữa, tăng cường CSVC			Còn: 30.103.700
2	Tiền nước uống	62.640.000	62.640.000	
	Trả công ty	62.640.000	62.640.000	
3	Tiền liên lạc điện tử	74.160.000	74.160.000	
4	Bảo hiểm y tế	737.100.000	737.100.000	
5	Xe đạp	23.193.000	23.193.000	
	Chi công trông xe+ nộp thuế		17.195.400	
	Chi sửa chữa nhà xe		5.997.600	
6	Bán trú	2.082.712.000	2.082.712.000	
	Đầu vào bán trú		29.800.000	
	Tiền ăn, bảo mẫu, chất đốt		2.052.912.000	
7	Lao động vệ sinh	137.360.000	130.838.600	Còn: 6.521.400
	Chi công lao động		111.193.100	
	Chi mua giấy vệ sinh, dụng cụ lao động		19.645.500	
	Tổng cộng	3.719.815.000	3.683.189.900	Còn: 36.625.100

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

* Hoạt động dạy học:

- Chỉ đạo thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp tất cả các khối lớp. Thực hiện chương trình các môn học linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng HS. Quán triệt quan điểm dạy - học tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, An ninh Quốc phòng, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giáo dục biển đảo, bảo vệ môi trường... trong các môn học. Tăng cường các hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

- Ngay từ đầu năm học, ban chuyên môn đã tổ chức hội thảo thống nhất xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn xuyên suốt năm học một cách khoa học, chi tiết theo đúng tinh thần chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Thanh Hà; kế hoạch giảng dạy

tích hợp liên môn, nội môn theo chủ đề và các hoạt động trải nghiệm theo khối lớp, kế hoạch thực hiện tiết đọc, tiết học thư viện, kế hoạch giảng dạy áp dụng mô hình dạy học STEM và giao nhiệm vụ cho từng giáo viên thực hiện trong năm học.

- Trong năm học, nhà trường đã chỉ đạo thực hiện tốt 06 chuyên đề, trong đó 04 chuyên đề đổi mới PP theo hướng NCBH, 100% CBQL, GV nhà trường tham gia tích cực vào các buổi hội thảo chuyên môn nhằm tháo gỡ khó khăn khi thực hiện đổi mới PPDH nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của HS theo định hướng của chương trình GDPT 2018, tích cực ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo trong việc xây dựng bài giảng; tích cực tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết dạy.

- Chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn và bồi dưỡng giáo viên. Tham dự hội thảo và triển khai áp dụng các chuyên đề cấp huyện, cấp tỉnh...

- Tổ chức tốt hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, chọn cử giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh: Kết quả: 02 GV được công nhận là GV giỏi cấp Tỉnh (đ/c Trần Thị Dương – giải tiết dạy sáng tạo, đ/c Nguyễn Thị La- đạt tiết dạy giỏi), 03 GV được công nhận là GV giỏi cấp Huyện (đ/c Dương Thị Mến – đạt tiết dạy xuất sắc, đ/c Trần Thị Hoa, Vũ Thị Hiền- đạt tiết dạy giỏi). 32 GV được công nhận GV dạy giỏi cấp trường.

- Thực hiện tốt phong trào viết và áp dụng SKKN: Kết quả toàn trường đã có 36 SK được công nhận cấp cơ sở; 14 sáng kiến được đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng ngoài cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá HS theo thông tư 27/2020/TT- BGD: GV đã thực hiện đổi mới phương pháp đánh giá, chú ý quan tâm theo dõi quá trình học tập của HS một cách toàn diện. Nhận xét, chỉ rõ những hạn chế và cách sửa cho HS. Quan tâm động viên khích lệ HS kịp thời...

- Chỉ đạo các đợt kiểm tra định kỳ khách quan, nghiêm túc, đúng qui chế.

- Chất lượng giáo dục HS đạt và vượt các chỉ tiêu đầu năm đề ra.

- Nhà trường quan tâm chỉ đạo phong trào mũi nhọn, bồi dưỡng HS năng khiếu, phụ đạo HS chậm tiến bộ, chỉ đạo GV tích cực dạy học phân hoá đối tượng HS trong tất cả các buổi học, tổ chức cho HS các tiết học trải nghiệm sáng tạo, giao lưu kiến thức tổng hợp các môn học như câu lạc bộ môn Tiếng Việt, Tiếng Anh. Trạng nguyên thực tổng hợp các môn học như câu lạc bộ môn Tiếng Việt, Tiếng Anh. Trạng nguyên Tiếng Việt khối 1,2,3,4,5; Vioedu môn Toán khối 2,3,4,5; IOE Tiếng Anh khối 3,4,5, Tin học, kĩ năng sống... Phong trào “giữ vở sạch viết chữ đẹp”, bồi dưỡng năng khiếu môn được quan tâm ngay từ đầu năm học.

- HS tham gia các sân chơi trí tuệ: Tỷ lệ HS tham gia các cuộc thi Tiếng Anh IOE, đấu trường Toán học Vioedu luôn đứng top đầu huyện. Kết quả cụ thể:

* Tiếng Anh (IOE)

Cấp huyện: 76 HS từ khối 3 đến khối 5 tham gia dự thi. Kết quả: 4 HS đạt giải (1 giải nhất, 1 giải Ba, 2 giải KK)

Cấp Tỉnh: 59 HS được thi cấp Tỉnh. Kết quả: 4 HS đạt giải (3 giải Ba, 2 giải KK)

Tâm An (2 giải)

Cấp Quốc gia: 31 HS khối 4-5 đủ Đk dự thi. Kết quả: 1 huy chương đồng K4 (Tâm An- lớp 4A), 1 giải khuyến khích khối 5 – Anh Dương lớp 5G, 14 HS được chứng nhận Hoàn thành Tốt kì thi.

* Toán VioEdu

121 HS đủ điều kiện dự thi kết quả có 26 bạn lọt vào vòng chung kết cấp tỉnh. Kì thi cấp tỉnh có 16 HS đạt giải, Kết quả: 9 Giải đồng: 7 Khuyến khích

* Phong trào Thể dục thể thao

+ Bóng đá HSTH: Có 2 HS tham gia thi đấu cấp Tỉnh. (Không tổ chức thi cấp huyện)

+ Cờ vua:

Cấp huyện: 10 HS tham gia thi cấp huyện. Kết quả: 9 HS đạt giải (2 giải nhất, 3 giải nhì, 2 giải ba, 2 giải KK). Đồng đội: Xếp thứ nhất toàn đoàn

Cấp Tỉnh: 6 HS tham gia thi . Kết quả: 1 HS đạt giải ba.

Có 02 HS đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ cấp Huyện, 01 HS đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ cấp Tỉnh.

- Đánh giá cuối năm học, tỉ lệ HS lên lớp thẳng đạt 99,9%; HS lớp 5 hoàn thành CTTH đạt 100%. Tổng số HS được khen thưởng trong năm học trên 70%.

Có 19 lớp đạt danh hiệu lớp Xuất sắc là: 1G, 1E, 1C, 1A, 1D, 2E, 2D, 2C, 3A, 3B, 3E, 4E, 4D, 4B, 5C, 5G, 5A, 5E, 5D; Có 09 lớp đạt lớp Tiên tiến: 1B, 2A, 2B, 3C, 3D, 5B, 4G, 4C, 4A.

*** Phong trào Đội:**

Xây dựng và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động Đội: Các em đã tích cực phối hợp với Huyện Đoàn, Hội đồng Đội các cấp tổ chức các HĐTT: Hoạt động trải nghiệm An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ, Ngày hội thiếu nhi vui khoẻ, tham gia đồng diễn Flashmob sân trường... Tổ chức thành công Đại hội cháu ngoan Bác Hồ cấp liên đội. Liên đội vinh dự có 02 HS đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ” cấp Huyện và 01 HS đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ” cấp Tỉnh năm 2025.

Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, giúp đỡ HS nghèo như: Kết hợp với các ban ngành, đoàn thể trao 75 suất quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn, tổng giá trị: 24 600 000đ. Mua tấm tre ủng hộ người mù với số tiền trên 18 triệu đồng; Nhận quà ủng hộ từ ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thanh Hà: 01 máy tính xách tay trị giá 10 triệu đồng.

Trong năm học, liên đội đã kết nạp 151 em HS ưu tú vào Đội; Động viên 100% thiếu niên nhi đồng tham gia phong trào kế hoạch nhỏ và các hoạt động ý nghĩa khác.

*** Hoạt động Công đoàn:**

Thực hiện tốt kế hoạch hoạt động đã xây dựng. Đảm bảo quy chế dân chủ, kỉ cương tình thương trách nhiệm. Giữ vững mối đoàn kết nội bộ. Phối hợp tốt với chuyên môn, động viên giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tích cực tuyên truyền vận động cán bộ giáo viên tham gia các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các hoạt động văn hoá văn nghệ, mâm cơm dinh dưỡng, TDTT của Liên đoàn Lao động các cấp phát động.

*** Kết quả tự đánh giá thi đua cuối năm như sau:**

- + Trường: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, xếp thứ Nhì khối thi đua, được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen.
 - + Công đoàn: Đề nghị công nhận Vững mạnh xuất sắc.
 - + Đoàn đội: Đề nghị Huyện Đoàn tặng giấy khen.
 - + Đề nghị xét danh hiệu Lao động Tiên tiến: 45 đ/c.
 - + Đề nghị xét danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở: 06 đ/c
 - + Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen: 06 đ/c
- Nhà trường đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu đề ra đầu năm.*

Nơi nhận:

- Website của trường;
- CBGV, NV trường;
- Lưu: VT.

